TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 15/01/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Trung Thực.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Hồng Việt;
2. Ông Trương Công Chự.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bích Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần C;
Địa chỉ: Số 108 đường T, thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T;
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh Q;
Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Gia Lai;
Địa chỉ: Số 01 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- *Bị đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm: 1975 và bà Lương Thị T, sinh năm: 1976.
Cùng địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện Ch Pr, tỉnh Gia Lai. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần C (Sau đây gọi là Ngân hàng) cho ông Trần Văn

K và bà Lương Thị T vay vốn theo hợp đồng cho vay số 693/2018-HĐCV/NHCT500 – TRẦN VĂN K ngày 26/4/2018, với các nội dung thỏa thuận như sau: Hạn mức cho vay: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất cho vay: 10,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng, ông K và bà T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 704/HĐTC ngày 14/4/2017. Ngân hàng đã giải ngân đúng theo nội dung trong hợp đồng cho vay từng lần, ông Trần Văn K và bà Lương Thị T đã thực hiện việc rút vốn vay theo Giấy nhận nợ số tiền là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông K và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc, lãi. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo nhắc nợ, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo yêu cầu khách hàng tự xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ vay tuy nhiên, ông K và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghiêm trọng các thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ cũng như các cam kết thực hiện trả nợ.

Tính đến ngày 15/01/2020, ông K và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 191.010.411 đồng trong đó:

- Nợ gốc là: 150.000.000 đồng (Một trăm ăm mươi triệu đồng);
- Nợ lãi tính đến ngày 15/01/2020 là: 41.010.411 đồng gồm tiền nợ lãi trong hạn là 27.917.260 đồng; tiền nợ lãi quá hạn là 13.093.151 đồng.

Nay Ngân hàng căn cứ vào các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng tín dụng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn K và bà Lương Thị T phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

Trả cho Ngân hàng tổng cộng tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng số tiền 191.010.411 đồng trong đó Nợ gốc là: 150.000.000 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 15/01/2020 là: 41.010.411 đồng (gồm tiền nợ lãi trong hạn là 27.917.260 đồng; tiền nợ lãi quá hạn là 13.093.151 đồng) cùng toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Nếu ông Trần Văn K và bà Lương Thị T không trả được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để Ngân hàng thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn X, xã M, huyện ChPr, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 8.440 m^2 trong đó diện tích đất ở 0 m^2 ; diện tích đất trồng cây lâu năm: 8.440 m^2 Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 28 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 695752 do UBND huyện ChPr cấp ngày 25/12/2012 đứng tên ông Trần Văn K.

Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 704/HĐTC ngày 14/4/2017, ông K và bà T thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn X, xã M, huyện ChPr, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 8.440 m^2 đất trồng cây lâu năm. Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 28 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

BM 695752 do UBND huyện Ch Pr cấp ngày 25/12/2012. Tuy nhiên khi tiến hành xem xét, thẩm định tài sản tại thời điểm giải quyết vụ án, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 28 do ông K và bà T thế chấp diện tích sử dụng đo đạc thực tế là 7.016m^2. Diện tích đất còn lại do người khác quản lý, sử dụng do vậy Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp và diện tích đất thực tế tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện ChPr, tỉnh G L đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 28 diện tích đo đạc thực tế là 7.016m^2.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn ông Trần Văn K và bà Lương Thị T vẫn không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 143, 144, 147,157,158; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn K và bà Lương Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cho vay số 693/2018-HĐCV/NHCT500 – TRẦN VĂN K ngày 26/4/2018. Trường hợp ông K và bà T không trả được nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí và xử lý tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần C ủy quyền cho Chi nhánh tại Gia Lai khởi kiện ông Trần Văn K và bà Lương Thị T để yêu cầu trả số nợ gốc và lãi theo hợp đồng cho vay số 693/2018-HĐCV/NHCT500 – TRẦN VĂN K ngày 26/4/2018. Ông Trần Văn K và bà Lương Thị T không có đăng ký kinh doanh do vậy đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Văn K và bà Lương Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tranh chấp hợp đồng tín dụng:

[2.1]. Tính hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 693/2018-HĐCV/NHCT500 – TRẦN VĂN K ngày 26/4/2018 được ký kết giữa một bên cấp tín dụng là Ngân hàng Thương mại cổ phần C với một bên được cấp tín dụng là ông Trần Văn K có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[2.2]. Về yêu cầu nghĩa vụ liên đới trả nợ: Tại hợp đồng tín dụng số 693/2018-HĐCV/NHCT500 – TRẦN VĂN K ngày 26/4/2018 được ký kết giữa một bên cấp tín dụng là Ngân hàng Thương mại cổ phần C với một bên được cấp tín dụng là ông Trần Văn K. Tuy chỉ có một mình ông Trần Văn K ký kết trong hợp đồng tín dụng nêu trên, nhưng trong giấy đề nghị vay vốn thì có chữ ký của Lương Thị T ở mục người liên đới nghĩa vụ trả nợ; tại hợp đồng thế chấp số 704/HĐTC ngày 14/4/2017 được ký giữa Ngân hàng và ông Trần Văn K, bà Lương Thị T; mặt khác mục đích sử dụng vốn vay nhằm chăm sóc vườn cây cà phê, hồ tiêu, đây là mục đích chung của gia đình nhằm phát triển kinh tế phục vụ cuộc sống chung của gia đình, ông Trần Văn K không vay vốn để sử dụng riêng cho bản thân, vì vậy cần buộc bà Lương Thị T là người có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông Trần Văn K cho Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Ngân hàng đã giải ngân cho ông Trần Văn K và bà Lương Thị T vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông K và bà T vi phạm về nghĩa vụ trả lãi và gốc cho Ngân hàng. Việc ông Trần Văn K và bà Lương Thị T không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng như đã thoả thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy Ngân hàng khởi kiện buộc ông Trần Văn K và bà Lương Thị T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ pháp luật.

[2.4]. Về yêu cầu trả nợ lãi: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật Các tổ chức tín dụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/01/2020, ông Trần Văn K và bà Lương Thị T còn nợ Ngân hàng số tiền lãi là 41.010.411 đồng gồm tiền nợ lãi trong hạn là 27.917.260 đồng; tiền

nợ lãi quá hạn là 13.093.151 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày là có cơ sở, nên cần chấp nhận.

Như vậy cần buộc ông Trần Văn K và bà Lương Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng, tiền lãi là 41.010.411 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 191.010.411 đồng.

[3]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 704/HĐTC ngày 14/4/2017 đã được Công chứng tại Phòng Công chứng Chư Prông và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai, Chi nhánh huyện Chư Prông, giữa Ngân hàng với ông Trần Văn K và bà Lương Thị T là để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 693/2018-HĐCV/NHCT500 – TRẦN VĂN K ngày 26/4/2018. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thi hành. Do vậy nếu ông K và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) để thu hồi nợ.

Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 704/HĐTC ngày 14/4/2017, ông K và bà T thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn X, xã M, huyện ChPr, tỉnh G L. Tổng diện tích đất 8.440 m^2 đất trồng cây lâu năm. Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 28 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 695752 do UBND huyện Chư Prông cấp ngày 25/12/2012. Tuy nhiên khi tiến hành xem xét, thẩm định tài sản tại thời điểm giải quyết vụ án, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 28 do ông K và bà T thế chấp diện tích sử dụng đo đạc thực tế là 7.016m^2. Diện tích đất còn lại do người khác quản lý, sử dụng do vậy Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng 704/HĐTC ngày 14/4/2017 và diện tích đất thực tê tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 28 diện tích đo đạc thực tế là 7.016m^2. Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng 704/HĐTC ngày 14/4/2017 và diện tích đất thực tế tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 28 diện tích đo đạc thực tế là 7.016 m^2 là có căn cứ và phù hợp với thực tế , nên cần chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng đã yêu cầu Tòa án thẩm định tài sản đã thế chấp để có căn cứ giải quyết, đồng thời đã tạm nộp tiền chi phí thẩm định là 4.000.000 đồng. Số tiền trên đã chi đủ cho công việc thẩm định và đo đạc. Do yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ vào các điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông K và bà T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 4.000.000 đồng chi phí thẩm định.

[5]. Về án phí:

Đối chiếu với quy định tại các điều 143, 144 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Cụ thể ông Trần Văn K và bà Lương Thị T phải chịu (191.010.411 đồng x 5%) = 9.550.521 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 26; các Điều 143, 144, 147, 157, 158, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng:

+ Các Điều 117, 118, 119, 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013;

+ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

+ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Buộc ông Trần Văn K và bà Lương Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C thông qua Chi nhánh Gia Lai tổng cộng số tiền là 191.010.411 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi mốt triệu không trăm mười nghìn bốn trăm mười một đồng) gồm tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/01/2020 là 41.010.411 đồng (gồm tiền lãi trong hạn là 27.917.260 đồng, tiền lãi quá hạn là 13.093.151 đồng)

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

2. Trong trường hợp ông Trần Văn K và bà Lương Thị T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C thông qua Chi nhánh Gia Lai có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án, gồm những tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 704/HĐTC ngày 14/4/2017 giữa ông K bà T và Ngân hàng. Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 28 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 695752 do UBND huyện Chư Prông cấp ngày 25/12/2012 đứng tên ông Trần Văn K. (diện tích đất đo đạc thực tế tại thời điểm thẩm định là 7.016m^2).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn K và bà Lương Thị T phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C thông qua Chi nhánh Gia Lai số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

4. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Trần Văn K và bà Lương Thị T phải chịu 9.550.521 đồng (Chín triệu năm trăm năm mươi nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C thông qua Chi nhánh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.994.877 đồng (Bảy triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000317 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Ngô Trung Thực